HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ VĨNH HANH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 26/NQ-HĐND	*Vĩnh Hanh, ngày 31 tháng 07 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương xã Vĩnh Hanh năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH HANH
KHÓA XIII, KỲ HỌP LẦN THỨ TƯ (KỲ HỌP GIỮA NĂM 2026)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Công văn số 4668/STC-NSX ngày 29/5/2026 về việc phối hợp hạch toán số thu bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu năm 2025 của ngân sách cấp xã;

Căn cứ Công văn số 5743/STC-NSX ngày 24/6/2026 của Sở Tài chính về việc thực hiện điều chỉnh quyết toán ngân sách năm 2025 cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 12 tháng 08 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hanh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương xã Vĩnh Hanh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Vĩnh Hanh về phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách xã Vĩnh Hanh năm 2025;

Sau khi xem xét Tờ trình số 82A/TTr-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hanh về việc điều chỉnh phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương xã Vĩnh Hanh năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương xã Vĩnh Hanh năm 2025, cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách địa phương: Tổng số quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 là **124.039.601.180 đồng**. Cụ thể như sau:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 976.068.106 đồng.
- Thu chuyển giao các cấp ngân sách: 122.685.016.752 đồng.
- Thu chuyển nguồn ngân sách: 378.253.387 đồng.
- Thu kết dư ngân sách năm trước: 262.935 đồng.

2. Chi ngân sách địa phương: Tổng quyết toán chi năm 2025 là **122.091.830.620 đồng**. Cụ thể như sau:

- Chi thường xuyên: 116.942.816.887 đồng.

+ Chi Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo: 54.069.978.130 đồng.

+ Chi các chương trình mục tiêu quốc gia: 3.303.469.381 đồng.

+ Chi quản lý hành chính và các sự nghiệp: 59.569.369.376 đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 5.100.868.733 đồng.
- Chi chuyển giao các cấp ngân sách: 45.000 đồng.
- Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 48.100.000 đồng.

3. Kết dư ngân sách địa phương: 1.947.770.560 đồng.

(Đính kèm biểu mẫu theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP).

Điều 2. Xử lý kết dư ngân sách:

1. Thực hiện theo khoản 1, điều 74 Luật Ngân sách nhà nước: "***Điều 74. Xử lý kết dư ngân sách nhà nước***

Kết dư ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh được sử dụng để trả nợ gốc và chi trả lãi các khoản vay của ngân sách nhà nước; trường hợp còn dư thì trích 50% vào quỹ dự trữ tài chính cùng cấp và 50% còn lại vào thu ngân sách năm sau; trường hợp quỹ dự trữ tài chính đã đủ mức 25% dự toán chi ngân sách

hàng năm thì số kết dư còn lại hạch toán vào thu ngân sách năm sau. Kết dư ngân sách cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau."

2. Số kết dư ngân sách cấp xã là **1.947.770.560** đồng, gồm:

+ Nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh còn thừa (nộp trả ngân sách Tỉnh năm 2026): 532.913.321 đồng.

+ Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng cơ bản): 436.251.568 đồng.

+ Chi thường xuyên cho các đơn vị dự toán trực thuộc UBND xã: 739.776.671 đồng.

+ Chi cải tạo phòng họp trực tuyến UBND xã Vĩnh Hanh: 232.229.000 đồng

+ Thực hiện chính sách an sinh xã hội, chi phí học tập: 6.600.000 đồng.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của HĐND xã Vĩnh Hanh. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Hanh khoá XIII kỳ họp lần thứ tư (kỳ họp giữa năm 2026) thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh Số 12;
- TT. Đảng ủy, TT.HĐND, UBND xã, UBMTTQVN xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp xã;
- Văn phòng: Đảng ủy, HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT (Thư).

CHỦ TỊCH

Hồ Trường Huấn

Biểu mẫu số 50

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của HĐND Xã Vĩnh Hanh)

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	**1.094**	**1.094**	**1354,584428**	**1354,584428**	**124%**	**124%**
A	**TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN**	**1.094**	**1.094**	**976,068106**	**976,068106**	**89%**	**89%**
I	**Thu nội địa**	**1.094**	**1.094**	**976,068106**	**976,068106**	**89%**	**89%**
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1) (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2) (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4) (Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế thu nhập cá nhân						
6	Thuế bảo vệ môi trường						
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước*						
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu*						
7	Lệ phí trước bạ	506	506	387,649387	387,649387	77%	77%
8	Thu phí, lệ phí	126	126	69,965000	69,965000	56%	56%
-	*Phí và lệ phí trung ương*						
-	*Phí và lệ phí tỉnh*						
-	*Phí và lệ phí huyện*						
-	*Phí và lệ phí xã, phường*	*128*	*128*	*69,965000*	*69,965000*	*55%*	*55%*
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2	2	4,899163	4,899163	245%	245%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
12	Thu tiền sử dụng đất						
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	460	460	513,554556	513,554556	112%	112%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	**Thu từ dầu thô**						
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	**Thu viện trợ**						
B	**THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**						
C	**THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC**			**0,262935**	**0,262935**		
D	**THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG**			**378,253387**	**378,253387**		

Biểu mẫu số 51

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của HĐND Xã Vĩnh Hanh)

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**78.386**	**122091,830620**	**156**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**78.386**	**116990,961887**	**149**
I	**Chi đầu tư phát triển**	-		-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-		
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*			
-	*Chi khoa học và công nghệ*			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	**Chi thường xuyên**	**76.849**	**116691,796887**	**152**
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	52.159	54069,978130	**104**
2	*Chi khoa học và công nghệ*			
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**			
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
V	**Dự phòng ngân sách**	**1.537**	**251,020000**	**16**
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**			
VII	**Chi nộp ngân sách cấp trên**		**48,145000**	
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	-	**5100,868733**	
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**		**5100,868733**	
	Chi đầu tư phát triển		5100,868733	
	Chi thường xuyên			
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	-		-
	Chi sự nghiệp giáo dục	-		
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**			

Ghi chú: *(1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.*

Biểu mẫu số 52

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của HĐND Xã Vĩnh Hanh)

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSĐP	**78.386**	**122.091,830620**	**43.705,830620**	**156%**
A	**CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)**				
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC**	**78.386**	**122.091,830620**	**43.705,830620**	**156%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	-	**5.100,868733**	**5.100,868733**	**0%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	5.100,868733	5.100,868733	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ				
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin		580,784972	580,784000	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao				
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế		4.520,083761	4.520,083761	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Chi bảo đảm xã hội				
-	Chi đầu tư khác				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	**Chi thường xuyên**	**76.849**	**116691,796887**	**39842,796887**	**152%**
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	51.489	54069,978130	2581,375130	105%
-	Chi khoa học và công nghệ (2)				
-	Chi quốc phòng	2.382	3992,806736	1610,806736	168%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.376	1273,195222	-102,804778	93%
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin	78	300,049000	222,049000	385%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	44	89,760000	45,760000	204%
-	Chi thể dục thể thao	150	119,235820	-30,764180	79%
-	Chi bảo vệ môi trường	1.116	616,885321	-499,114679	55%
-	Chi các hoạt động kinh tế	1.881	6402,765425	4521,765425	340%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	17.397	39013,770905	21616,373905	224%
-	Chi bảo đảm xã hội	98	9854,109528	9756,109528	10055%
-	Chi thường xuyên khác	838	959,240800	121,240800	114%
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)**				
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)**				
V	**Dự phòng ngân sách**	**1.537**	**251,020000**		
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**				
VI	**Chi nộp ngân sách cấp trên**		**48,145000**		
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		**0,000000**		

Biểu mẫu số 53

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của HĐND Xã Vĩnh Hanh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2025	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)		Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSĐP	**78.386**	-	**78.386**	**122091,830620**		**122091,830620**	**156%**		**156%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**78.386**	-	**78.386**	**122043,685620**		**122043,685620**	**156%**		**156%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	-	-	-	**5100,868733**		**5100,868733**	**0%**		**0%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	-		-	5100,868733		5100,868733			
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực									
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*									
-	*Chi khoa học và công nghệ*									
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn									
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*									
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*									
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật									
3	Chi đầu tư phát triển khác									
II	**Chi thường xuyên**	**76.849**		**76.849**	**116691,796887**		**116691,796887**	**152%**		**152%**
	Trong đó:									
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	51.489		51.489	54070,000000		54069,978130	105%		105%
2	*Chi khoa học và công nghệ*									

III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay									
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
V	Dự phòng ngân sách	1.537		1.537	251,020000		251,020000	16%		16%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương									
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	-	-	-						
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia									
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)									
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-						
	Chi sự nghiệp giáo dục	-		-						
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				48,145000		48,145000			
D	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU									

Ghi chú: *(1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.*

Biểu mẫu số 54

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của HĐND Xã Vĩnh Hanh)

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (1)						Quyết toán									So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG			Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ	**130.382**	**-**	**119.801**	**10.581**	**5.269**	**5.312**	**122.044**	**-**	**113.640**	**-**	**-**	**8.404**	**5.101**	**3.303**	**-**			**95%**
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**128.845**	**-**	**118.264**	**10.581**	**5.269**	**5.312**	**121.793**	**-**	**113.389**	**-**	**-**	**8.404**	**5.101**	**3.303**	**-**			**95%**
1	Văn phòng Đảng ủy xã Vĩnh Hanh	9.410		9.410	-			9.410		9.410			-			-			100%
2	UBMTTQVN xã Vĩnh Hanh	4.493		4.493	-			4.138		4.138			-			-			92%
3	Văn phòng HĐND và UBND xã Vĩnh Hanh	19.842		19.842	-			19.045		19.045			-			-			96%
4	Phòng Kinh tế xã Vĩnh Hanh	20.292	-	9.711	10.581	5.269	5.312	16.529	-	8.125			8.404	5101	3.303	-			68%
5	Phòng Văn hóa - xã hội xã Vĩnh Hanh	17.655		17.655	-		-	16.814		16.814			-			-			95%
6	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh Hanh	2.044		2.044	-			1.974		1.974			-			-			97%
7	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Vĩnh Hanh	489		489	-			426		426			-			-			87%
8	Trường Mẫu giáo Vĩnh Nhuận	3.918		3.918	-			3.892		3.892			-			-			99%
9	Trường Mẫu giáo Vĩnh Hanh	4.787		4.787	-			4.765		4.765			-			-			100%
10	Trường Tiểu học A Vĩnh Nhuận	7.605		7.605	-			7.597		7.597			-			-			100%
11	Trường Tiểu học A Vĩnh Hanh	7.525		7.525				7.388		7.388						-			98%
12	Trường Tiểu học B Vĩnh Nhuận	8.387		8.387	-			8.092		8.092			-			-			96%
13	Trường Tiểu học B Vĩnh Hanh	6.207		6.207				6.039		6.039									97%
14	Trường Tiểu học C Vĩnh Hanh	6.035		6.035	-			5.955		5.955			-			-			99%
15	Trường THCS Vĩnh Hanh	10.156		10.156	-			9.729		9.729			-			-			96%
II	**CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)**							-											

STT	Tên đơn vị	Dự toán (1)						Quyết toán									So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG			Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)							-											
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	1.537		1.537				251		251									
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG							-											
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)							-											
VIII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU							-								-			

Ghi chú:

(1) Dự toán chi ngân sách địa phương chi tiết theo các chỉ tiêu tương ứng phần quyết toán chi ngân sách địa phương.

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

(3) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Biểu mẫu số 58

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG XÃ VĨNH HẠNH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của HĐND Xã Vĩnh Hạnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán (2)										Quyết toán											So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi CTMTQG
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
				Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (3)		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (3)		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG SỐ																									
1	Xã Vĩnh Hạnh	-		-		76849,000000	51488,603000									116942,816887	54069,978130		8405,338114	5101,868733	3303,469381	-			152%	

Ghi chú:

(1) Theo quy định tại Điều 7, Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

(2) Dự toán chi ngân sách địa phương chi tiết theo các chỉ tiêu tương ứng phần Quyết toán chi ngân sách địa phương.

(3) Theo quy định tại Điều 7, Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Biểu mẫu số 59

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(kèm theo Nghị quyết số 26 NQ-HĐND ngày 31 7 2026 của HĐND Xã Vĩnh Hanh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán								Quyết toán								So sánh (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước							Vốn ngoài nước	Vốn trong nước			
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5	22=14/6	23=15/7	24=16/8
	TỔNG SỐ	**122.685.016752**	**77.292.000000**	**45.393.016752**		**45.393.016752**				**120.737.246192**	**77.292.000000**	**43.445.246192**		**43.445.246192**	-	-	-	**98%**	**100%**	**96%**		**96%**			
1	Xã Vĩnh Hanh	122.685.016752	77.292.000000	45.393.016752		45.393.016752				120.737.246192	77.292.000000	43.445.246192		43.445.246192				98%	100%	96%		96%			

Ghi chú: *(1) Bổ sung từ ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; bổ sung từ ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.*

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(kèm theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của HĐND Xã Vĩnh Hanh)

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán										Quyết toán										So sánh (%)		
		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025							Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025							Tổng số	Trong đó	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
						Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra						Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra				
							Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước						Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước			
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21=11/1*	*22=12/2*	*23=13/3*
	TỔNG SỐ	-	-	-	**10581,000000**	**5269,000000**	**5269,000000**		**5312,000000**	**5312,000000**		**8405,338114**	**5101,868733**	**3303,469381**	**8405,338114**	**5101,868733**	**5101,868733**		**3303,469381**	**3303,469381**				
I	**Ngân sách xã**	-	-	-	**10581,000000**	**5269,000000**	**5269,000000**		**5312,000000**	**5312,000000**		**8405,338114**	**5101,868733**	**3303,469381**	**8405,338114**	**5101,868733**	**5101,868733**		**3303,469381**	**3303,469381**				
1	Xã Vĩnh Hanh	-	-	-	10581,000000	5269,000000	5269,000000		5312,000000	5312,000000		8405,338114	##########	3303,469381	8405,338114	5101,868733	5101,868733		3303,469381	3303,469381				

Ghi chú: *(1) Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách tỉnh chi tiết đến từng cơ quan, tổ chức và từng huyện. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách huyện chi tiết đến từng xã. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách xã chi tiết đến từng cơ quan, tổ chức.*